TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
Dong Thap University Journal of Science
Số Đặc biệt Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 0866-7675 | e-ISSN 2815-567X

DOI: https://doi.org/10.52714/dthu.ssh.3601.2057

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Văn Đệ[1], Đào Hoàng Nam[2] và Nguyễn Hữu Tâm[3*]

[1]Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[2]Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[3]Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ, Email: nhtam@blu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 13/7/2026; Ngày nhận chỉnh sửa: 27/9/2026; Ngày duyệt đăng: 30/10/2026

Tóm tắt

Nghiên cứu này được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương tại các trường trung học phổ thông thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long theo bốn bước quản lý: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá. Phương pháp định lượng được triển khai thông qua bảng hỏi khảo sát dành cho 261 cán bộ quản lý và giáo viên tại 20 trường trung học phổ thông trên địa bàn 5 tỉnh và thành phố của Đồng bằng sông Cửu Long (Cần Thơ, An Giang, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau), trong đó 32 cán bộ quản lý và giáo viên được phỏng vấn sâu. Kết quả cho thấy công tác lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đạt mức tốt. Tuy nhiên, công tác quản lý vẫn tồn tại những hạn chế đáng chú ý, đặc biệt ở khâu chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá chỉ đạt mức khá. Sự suy giảm điểm số theo chiều sâu của chu trình quản lý cho thấy khoảng cách giữa ý định quản lý và hành động thực tiễn, sự thiếu đồng bộ trong tổ chức triển khai, hạn chế về cơ chế phối hợp đa lực lượng (nhà trường - gia đình - xã hội) và năng lực đội ngũ trong đổi mới phương pháp, đo lường kết quả dạy học nội dung giáo dục địa phương. Kết quả nghiên cứu cung cấp bức tranh thực trạng toàn diện về tiến trình quản lý hoạt động giáo dục địa phương tại các trường trung học phổ thông khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay.

Từ khóa: *Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, Đồng bằng sông Cửu Long, quản lý hoạt động giáo dục địa phương, trung học phổ thông.*

Trích dẫn: Nguyễn, V. Đ., Đào, H. N., & Nguyễn, H. T. (2026). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương tại các trường trung học phổ thông khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 15(04S), 316-330. https://doi.org/10.52714/dthu.ssh.3601.2057

Copyright © 2026 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

THE CURRENT STATUS OF LOCAL EDUCATIONAL ACTIVITY MANAGEMENT IN HIGH SCHOOLS IN THE MEKONG DELTA

Nguyen Van De[1], Dao Hoang Nam[2], and Nguyen Huu Tam[3*]

[1]Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[2]Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[3]Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

[*]Corresponding author, Email: nhtam@blu.edu.vn

Article history

Received: 13/7/2026; Received in revised form: 27/9/2026; Accepted: 30/10/2026

Abstract

This study evaluates the current status of local education activity management in high schools across the Mekong Delta region under four core management functions: planning, organizing, leading, and controlling/evaluating. A mixed-methods approach was utilized, comprising a questionnaire survey administered to 261 educational administrators and teachers across 20 high schools in five provinces and cities in the Mekong Delta (Can Tho, An Giang, Vinh Long, Dong Thap, and Ca Mau), along with in-depth interviews conducted with 32 administrators and teachers. The findings reveal that planning and organizing were executed effectively, whereas leading and controlling/evaluating achieved only a moderate level, highlighting notable limitations in management practice. The decline in scores along the management cycle highlights a gap between management intent and practical implementation, a lack of coordination in implementation, ineffective multi-stakeholder coordination mechanisms (school–family–society), and limited staff capacity in innovating instructional methods and assessing student learning outcomes in local education. These results provide a comprehensive overview and an empirical foundation for improving the management of local educational activities in high schools throughout the Mekong Delta region.

Keywords: *2018 General Education Program, high schools, local educational activity management, Mekong Delta.*

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã đánh dấu một bước chuyển căn bản trong tư duy giáo dục Việt Nam, từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển phẩm chất và năng lực với định hướng gắn kết chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường và thực tiễn đời sống. Trong cấu trúc chương trình đó, hoạt động giáo dục địa phương (GDĐP) được xác định là một thành tố không thể tách rời, có chức năng bổ sung, mở rộng và làm phong phú thêm nội dung giáo dục quốc gia bằng những kiến thức, giá trị và trải nghiệm gắn liền với bối cảnh cụ thể của từng vùng miền. Thông qua hoạt động GDĐP, học sinh không chỉ được trang bị hiểu biết về văn hóa, lịch sử, địa lí, kinh tế và môi trường của địa phương mà còn được bồi dưỡng tình yêu quê hương, ý thức công dân và năng lực vận dụng tri thức vào giải quyết các vấn đề thực tiễn (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018). Đây là những phẩm chất và năng lực mà giáo dục hiện đại đặc biệt coi trọng.

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có hệ sinh thái sông nước đặc thù, nền văn hóa đa dạng với sự giao thoa giữa các tộc người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và tiềm năng kinh tế nông nghiệp, thủy sản dồi dào. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực đang đối mặt với nhiều thách thức về biến đổi khí hậu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bảo tồn bản sắc văn hóa, đòi hỏi thế hệ trẻ không chỉ am hiểu về quê hương mà còn có đủ năng lực để tham gia vào quá trình phát triển bền vững của địa phương. Chính vì vậy, hoạt động GDĐP tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không đơn thuần là một nội dung giáo dục bổ trợ mà cần được nhìn nhận như một nhiệm vụ chiến lược trong phát triển con người gắn với phát triển khu vực.

Mặc dù vai trò của GDĐP là rất rõ ràng, hiệu quả thực hiện nội dung này trong thực tiễn phụ thuộc quyết định vào năng lực và quy trình quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường và đội ngũ giáo viên (GV). Quản lý giáo dục là một tiến trình logic bao gồm các chức năng cốt lõi: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá. Thực tiễn cho thấy, nếu một trong bốn khâu này bị đứt gãy hoặc thực hiện thiếu đồng bộ, chất lượng GDĐP sẽ dễ rơi vào tình trạng mang tính hình thức, chưa phát huy hết giá trị thực tiễn.

Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về quản lý hoạt động GDĐP trên thế giới, ở Việt Nam và tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhưng nội dung chỉ rời rạc ở từng địa phương, chưa đi sâu phân tích thực trạng dưới góc độ tổng thể của khu vực này. Đặc biệt, các nghiên cứu đánh giá chuyên sâu và đo lường định lượng thực trạng quản lý hoạt động GDĐP theo chu trình 4 bước tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn khá hạn chế. Xuất phát từ những lý do trên, việc đánh giá một cách khách quan, khoa học về thực trạng quản lý hoạt động GDĐP ở trường trung học phổ thông (THPT) khu vực Đồng bằng sông Cửu Long sẽ cung cấp bức tranh thực chứng toàn diện, làm cơ sở khoa học cho việc cải tiến công tác quản lý hoạt động GDĐP ở trường phổ thông.

2. Tổng quan lý thuyết, lược sử nghiên cứu

2.1. Chu trình quản lý hoạt động giáo dục địa phương ở trường phổ thông

Theo Nguyễn (1989), "Quản lý giáo dục là hệ thống tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý, nhằm cho hệ vận hành theo đường lối, nguyên lý của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam mà tiêu điểm hội tụ là quá trình dạy học, giáo dục thế hệ trẻ, đưa hệ giáo dục đến mục tiêu dự kiến tiến lên trạng thái mới về chất".

Henri Fayol (1841 - 1925), đại diện xuất sắc của trường phái quản trị cổ điển, người đặt nền móng cho cách tiếp cận quản lý theo quy trình, cho rằng quản lý là một hoạt động tất yếu của mọi tổ chức, vận hành qua các chức năng cơ bản mà các lý thuyết hiện đại ngày nay đã hệ

thống lại thành: lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo (chỉ đạo) và kiểm tra, đánh giá (Trần, 2004; Phạm & cs., 2017).

Từ nền tảng lý thuyết tiến trình của Henri Fayol, khi soi chiếu vào cơ sở lý luận quản lý nhà trường, quy trình này được cụ thể hóa thành hệ thống chức năng vận hành khép kín. Đối với quản lý hoạt động giáo dục, đây là công cụ định hình cấu trúc quản trị thông qua bốn nội dung cốt lõi: lập kế hoạch hoạt động, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá kế hoạch. Theo Trần (2004) và Phạm & cs. (2017), các bước của quy trình quản lý hoạt động giáo dục được cụ thể như sau:

Lập kế hoạch hoạt động là bước đầu tiên, đóng vai trò định hướng cho toàn bộ hoạt động giáo dục. Bước lập kế hoạch đòi hỏi chủ thể quản lý phân tích tình hình; xác định mục tiêu; dự báo nguồn nhân lực, vật lực, tài lực; lựa chọn nội dung và phương thức tổ chức tương thích với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi; bố trí nguồn nhân lực, sắp xếp thời gian, không gian phù hợp. Để kế hoạch hoạt động giáo dục ở trường phổ thông có tính khả thi cần thực hiện tốt kế hoạch giáo dục theo năm, tháng, theo chủ đề, chủ điểm của nhà trường; có cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường.

Tổ chức thực hiện là bước biến kế hoạch trên giấy thành thực tế sinh động. Bước này tập trung thiết lập bộ máy điều hành (Ban chỉ đạo) và phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận; đa dạng hóa hình thức triển khai (lồng ghép qua môn học, hoạt động ngoại khóa, giao lưu trải nghiệm); xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội.

Chỉ đạo thực hiện là quá trình tác động, điều hành và thúc đẩy. Trong bước này cần thúc đẩy tính chủ động, sáng tạo của GV và học sinh, đồng thời bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, tài chính phục vụ hoạt động; khuyến khích, động viên, đôn đốc tạo động lực cho mọi thành viên trong nhà trường và học sinh thực hiện tốt công việc được giao; rà soát và điều chỉnh đảm bảo mọi công việc được thực hiện đúng hướng; xây dựng môi trường thuận lợi, thúc đẩy các hoạt động giáo dục cho học sinh có hiệu quả.

Kiểm tra, đánh giá là bước phản hồi và điều chỉnh chất lượng hoạt động giáo dục. Giai đoạn này cần được thực hiện một cách hệ thống qua nhiều công đoạn chặt chẽ: xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng như thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể, và tổng kết công tác kiểm tra, đánh giá. Quan trọng nhất, kết quả kiểm tra, đánh giá này không chỉ dừng lại ở việc phản ánh thực trạng mà còn được sử dụng làm cơ sở quan trọng để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho những năm tiếp theo, góp phần nâng cao chất lượng quản lý một cách bền vững.

Quản lý hoạt động giáo dục trong trường phổ thông là một quá trình vận hành liên tục theo chu trình khép kín gồm bốn bước cơ bản. Mỗi khâu trong chu trình này đóng vai trò quyết định đến hiệu quả vận hành chung, giúp nhà trường hiện thực hóa các mục tiêu giáo dục đã đề ra. Trong tổng thể các nhiệm vụ đó, hoạt động GDĐP ở trường phổ thông được xác định là một bộ phận hữu cơ của chương trình. Theo Hồ và Nguyễn (2022), hoạt động GDĐP cho học sinh THPT là thông qua các phương pháp tổ chức các hoạt động học tập, hoạt động trải nghiệm, dự án học tập tích cực để lựa chọn chủ đề thiết thực gắn với tình hình kinh tế, chính trị, lao động, sản xuất, văn hoá địa phương.

Có thể thấy, quản lý hoạt động GDĐP là một chỉnh thể thống nhất, vận hành theo nguyên lý chu trình quản lý khép kín, đòi hỏi sự đổi mới tư duy quản lý và năng lực tổ chức linh hoạt của các nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Lược sử nghiên cứu về quản lý hoạt động giáo dục địa phương

Quản lý hoạt động GDĐP và chương trình giáo dục gắn liền với tri thức địa phương là chủ đề nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà nghiên cứu giáo dục trên thế giới.

Về mặt giá trị giáo dục, Chaer & cs. (2021) khẳng định giáo dục dựa trên tri thức địa phương đóng vai trò cốt lõi trong việc hình thành nhân cách và ý thức cộng đồng cho học sinh. Theo các tác giả, mô hình GDĐP phụ thuộc rất lớn vào năng lực của bộ máy quản lý nhà trường trong việc linh hoạt lồng ghép các giá trị văn hóa bản địa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Mặc dù vai trò của GDĐP là rất rõ ràng, khâu triển khai thực tế lại đối mặt không ít rào cản, chẳng hạn sự đứt gãy giữa khâu lập kế hoạch/chỉ đạo của nhà quản lý với khâu tổ chức thực hiện của GV. Theo Samsul và Dedek (2018), nhà quản lý xây dựng và ban hành chương trình GDĐP nhưng nếu thiếu sự hỗ trợ quản lý liên tục thì GV sẽ thực thi không hiệu quả. Tương tự, khi đánh giá việc triển khai chương trình GDĐP tại Nepal, Gurung và Parajuli (2021) cũng nhận thấy một khoảng cách đáng kể giữa mục tiêu tích hợp tri thức bản địa và thực tiễn giảng dạy tại nhà trường. Theo các tác giả, GV thường thiếu tự tin và gặp khó khăn về phương pháp dạy học tích hợp tri thức địa phương. Nguyên nhân nằm ở khâu công tác chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn và tập huấn từ cấp quản lý chưa sát sao, thiếu các tài liệu/công cụ hỗ trợ mang tính thực hành và thiếu cơ chế kết nối quản lý giữa nhà trường với cộng đồng địa phương. Nghiên cứu này góp phần khẳng định tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả quản lý ở cả khâu chỉ đạo chuyên môn lẫn tổ chức nguồn lực hỗ trợ trong khâu tổ chức thực hiện.

Ở góc độ quản trị và môi trường giáo dục, Yusron (2025) nhấn mạnh vai trò cốt lõi của sự tham gia cộng đồng trong việc thực thi chính sách GDĐP tại các khu vực khó khăn. Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình quản lý phối hợp - nhà trường, phụ huynh và chính quyền địa phương cùng tham gia lập kế hoạch, cung ứng cơ sở vật chất và giám sát học tập - đã giúp gia tăng 12% kết quả học tập của học sinh.

Từ các nghiên cứu quốc tế trên có thể thấy, trong quản lý hoạt động GDĐP thường có khoảng cách giữa ý đồ quản lý và thực thi thực tiễn. Quản lý GDĐP là một chu trình chuyển hóa phức tạp. Sự thành công của khâu lập kế hoạch hay việc ban hành chính sách từ cấp quản lý không tự động đảm bảo cho hiệu quả của khâu tổ chức và chỉ đạo thực hiện trên thực tế. Khoảng cách này thường xuất phát từ sự thiếu hụt tài liệu, năng lực GV chưa đáp ứng và sự thiếu hụt các chương trình tập huấn cho GV. Ngoài ra, ở các địa bàn mang tính đặc thù vùng miền/nông thôn, rào cản hạ tầng và kinh phí càng đòi hỏi năng lực lãnh đạo linh hoạt của ban giám hiệu trong việc huy động các nguồn lực xã hội.

Tại Việt Nam, cùng với lộ trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, vấn đề giảng dạy và quản lý hoạt động GDĐP cũng đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và các nhà quản lý giáo dục. Khi nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động dạy học GDĐP ở các trường THPT huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngô (2024) chỉ ra rằng công tác này đã đạt được nhiều kết quả, song vẫn còn tồn tại những khó khăn và hạn chế. Tác giả đề xuất 5 nhóm biện pháp: nâng cao nhận thức, bồi dưỡng năng lực GV, phối hợp giữa nhà trường - gia đình - xã hội, đổi mới hoạt động tổ chuyên môn, và đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá.

Thực tiễn cho thấy việc tổ chức dạy học nội dung GDĐP vẫn còn là một thách thức đối với nhiều địa phương và trường THPT trên cả nước. Theo hướng tiếp cận thực tiễn tổ chức, Trần và My (2025) đã tập trung làm rõ khái niệm cũng như những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến nội dung GDĐP trong bối cảnh giáo dục hiện nay, nhằm giúp các trường THPT có cơ sở nhận thức đầy đủ hơn để tổ chức hoạt động dạy học nội dung này một cách hiệu quả. Kết quả

nghiên cứu của các tác giả được xem là nền tảng lý luận quan trọng, làm cơ sở để tiếp tục khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý và tổ chức dạy học nội dung GDĐP tại các trường THPT.

Ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Hồ và Nguyễn (2024) chỉ ra hạn chế trong bước lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá hoạt động GDĐP tại các trường THPT tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu về thực trạng quản lý hoạt động GDĐP cho học sinh các trường tiểu học ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang (Huỳnh & Phan, 2024); huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn & Trần, 2024); trường trung học cơ sở ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu (Nguyễn, 2023), quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ (Phạm, 2023) và huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Trương & Lê, 2024) đều chỉ ra rằng công tác quản lý hoạt động GDĐP đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng khích lệ nhưng việc triển khai chưa đáp ứng yêu cầu về học liệu, cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ GV. Nhiều trường còn lúng túng trong khâu xây dựng kế hoạch, quản lý tổ chức dạy học trải nghiệm, kiểm tra đánh giá và huy động các nguồn lực xã hội hóa. Công tác quản lý hoạt động GDĐP còn mang tính hành chính, thiếu tính chiến lược và chưa phát huy được tiềm năng đặc thù của khu vực.

Nhìn chung, các nghiên cứu về quản lý hoạt động GDĐP đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong nước tập trung chủ yếu vào thực trạng các khó khăn trong quá trình thực hiện về nội dung chương trình (tài liệu giảng dạy), về năng lực đội ngũ và hoạt động bồi dưỡng đội ngũ (CBQL và GV trực tiếp giảng dạy), lập kế hoạch và tổ chức dạy học. Xem xét dưới góc độ chu trình quản lý, các rào cản chung tại Việt Nam hiện nay bộc lộ rõ qua:

Công tác lập kế hoạch và biên soạn tài liệu: Việc thẩm định, in ấn và phát hành Tài liệu GDĐP ở nhiều tỉnh/thành còn chậm trễ so với tiến độ năm học ảnh hưởng xây dựng Kế hoạch giáo dục.

Công tác tổ chức thực hiện và nguồn lực thực hiện: Khâu phân công có nhiều bất cập do không có GV được đào tạo đúng chuyên ngành GDĐP mà chủ yếu sử dụng đội ngũ GV bộ môn riêng lẻ.

Công tác chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá: Khâu chỉ đạo chuyên môn còn mang nặng tính hành chính. Việc đánh giá kết quả học tập nội dung GDĐP còn lúng túng, chưa có bộ công cụ đo lường chuẩn hóa.

Nhìn chung, các công trình trong nước đã bước đầu phân tích thực trạng triển khai nội dung GDĐP theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, chỉ ra những vướng mắc chung về tài liệu, năng lực GV kiêm nhiệm và đánh giá người học. Tuy nhiên, các nghiên cứu định lượng quy mô lớn đánh giá một cách hệ thống thực trạng quản lý theo đầy đủ chu trình 4 bước tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn thiếu vắng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế theo hướng tiếp cận nghiên cứu định lượng và định tính nhằm thu thập, phân tích dữ liệu thực chứng và đo lường mức độ thực hiện các khâu trong chu trình quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Mẫu khảo sát gồm 261 CBQL và GV tại 20 trường THPT của Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn tháng 03 - 05/2025. Cơ cấu mẫu khảo sát được tổng hợp chi tiết trong Bảng 1 (tên của các địa bàn khảo sát là địa danh sau ngày 01/7/2025).

Bảng 1. Cơ cấu mẫu khảo sát (N = 261)

Địa bàn khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thành phố Cần Thơ	94	36
Tỉnh Đồng Tháp	35	13,4

Địa bàn khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tỉnh Vĩnh Long	26	10
Tỉnh An Giang	25	9,6
Tỉnh Cà Mau	81	31

Công cụ thu thập dữ liệu chính của nghiên cứu là bảng hỏi khảo sát dạng đóng được thiết kế dựa trên khung lý thuyết chu trình quản lý 4 bước. Cấu trúc bảng hỏi gồm 2 phần. Phần A ghi nhận thông tin nhân khẩu học của đối tượng khảo sát (Giới tính, thâm niên, trình độ học vấn, vị trí công tác). Phần B dành cho tìm hiểu nhận thức của CBQL và GV về tầm quan trọng và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDĐP cho học sinh THPT. Việc đánh giá thực trạng quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long gồm 30 biến quan sát được chia vào các thành phần như sau: lập kế hoạch quản lý hoạt động GDĐP (6 biến), tổ chức thực hiện hoạt động GDĐP (7 biến), chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐP (7 biến), kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP (10 biến).

Toàn bộ các biến quan sát ở Phần B được đo lường bằng thang đo Likert 5 mức độ (1. Chưa đạt; 2. Đạt; 3. Khá; 4. Tốt; 5. Rất tốt). Dữ liệu sau khi làm sạch được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS, tính toán điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) để mô tả cơ cấu mẫu và đánh giá thực trạng từng nội dung quản lý. Trong phân tích dữ liệu, khoảng giá trị theo thang Likert được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Khoảng giá trị theo từng mức độ thực hiện

Khoảng ĐTB	Mức độ thực hiện	Mức đánh giá
4,21 - 5,00	Rất tốt	5 (Cao nhất)
3,41 - 4,20	Tốt	4
2,61 - 3,40	Khá	3
1,81 - 2,60	Đạt	2
1,00 - 1,80	Chưa đạt	1 (Thấp nhất)

Để làm rõ toàn diện quy trình 4 bước trong quản lý hoạt động GDĐP, nhóm nghiên cứu đã bổ sung phương pháp phỏng vấn sâu bên cạnh khảo sát bằng bảng hỏi. Việc phỏng vấn được triển khai dưới dạng trò chuyện định hướng với 16 CBQL trường học và 16 GV bộ môn. Kết quả phỏng vấn khai thác sâu các thách thức thực tế mà nhà trường gặp phải, đặc biệt là các vấn đề về nội dung và phương pháp tổ chức, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, tài liệu dạy học, chất lượng nhân sự và cơ chế kết nối với các tổ chức ngoài nhà trường.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

4.1.1. Thực trạng nhận thức tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Bảng 3. Đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên về tầm quan trọng của quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Mức độ đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
Rất không cần thiết	4	1,53	5

Mức độ đánh giá	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Thứ bậc
Không cần thiết	12	4,60	4
Tương đối cần thiết	64	24,52	2
Cần thiết	141	54,02	1
Rất cần thiết	40	15,33	3

Kết quả khảo sát cho thấy đa số CBQL và GV đã có nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động GDĐP (xem Bảng 3). Cụ thể, 69,35% CBQL và GV đánh giá công tác quản lý hoạt động GDĐP ở mức "cần thiết" và "rất cần thiết". Điều này phản ánh sự thừa nhận của đội ngũ về vai trò của quản lý trong việc bảo đảm tính định hướng, tính đồng bộ và hiệu quả thực chất của hoạt động GDĐP, đặc biệt trong bối cảnh Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đặt ra những yêu cầu cao về phát triển phẩm chất, năng lực và tăng cường gắn kết giữa giáo dục nhà trường với thực tiễn địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn 6,13% CBQL và GV đánh giá công tác quản lý hoạt động GDĐP ở mức "không cần thiết" hoặc "rất không cần thiết". Tỉ lệ này tuy không lớn nhưng cho thấy những hạn chế nhất định trong nhận thức của đội ngũ, đây là một tín hiệu cần được quan tâm trong công tác bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ GV về quản lý hoạt động GDĐP ở trường phổ thông.

Tóm lại, nhận thức tích cực từ phía CBQL và GV về tầm quan trọng của việc quản lý hoạt động GDĐP chính là tiền đề, điều kiện thuận lợi quan trọng để các nhà trường đẩy mạnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động này.

4.1.2. Kiểm định độ tin cậy thang đo và thống kê mô tả

Để đánh giá độ tin cậy nội tại của thang đo, nghiên cứu sử dụng hệ số Cronbach's Alpha và thống kê mô tả Điểm trung bình của từng nhóm.

Bảng 4. Kết quả điểm trung bình chung và Cronbach's Alpha

Nhóm nội dung	ĐTB chung	Cronbach's Alpha
Lập kế hoạch	3,52	0,94
Tổ chức thực hiện	3,57	0,96
Chỉ đạo thực hiện	3,00	0,95
Kiểm tra, đánh giá	2,96	0,97

Kết quả phân tích tại Bảng 4 cho thấy cả 4 bước đều có hệ số Cronbach's Alpha dao động từ 0,94 đến 0,97 khẳng định thang đo có độ tin cậy rất cao và các biến quan sát có sự gắn kết chặt chẽ. Về mặt thống kê mô tả, giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 2,96 đến 3,57 phản ánh mức độ đánh giá tương đối cao của đối tượng khảo sát đối với các bước trong quy trình quản lý. Theo kết quả khảo sát, khâu lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đạt mức tốt nhưng khâu chỉ đạo (ĐTB = 3,00) và đặc biệt là kiểm tra, đánh giá (ĐTB = 2,96), chỉ đạt ở mức khá.

Theo phân tích số liệu cụ thể của từng bước quản lý, ĐLC của các chỉ báo đều dao động từ 0,78 đến 0,89 cho thấy mức độ đồng thuận tương đối đồng đều trong ý kiến phản hồi của những người tham gia khảo sát.

4.1.3. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương

Bảng 5. Đánh giá về xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Xác định mục tiêu phù hợp với học sinh THPT	3,65	0,83	2
Thành lập Ban chỉ đạo hoạt động GDĐP cho học sinh THPT	3,64	0,84	3
Kế hoạch cụ thể theo từng tháng, năm	3,70	0,83	1
Hiệu trưởng đảm bảo các điều kiện gồm kinh phí, thiết bị dạy học, cơ sở vật chất cho hoạt động GDĐP	3,61	0,83	4
Phối hợp nhiều lực lượng bên ngoài tham gia vào hoạt động GDĐP	3,49	0,89	5
Kế hoạch hàng năm về bồi dưỡng, nâng cao năng lực giảng dạy cho đội ngũ GV	3,02	0,81	6

Trong nội dung xây dựng kế hoạch, "lập kế hoạch cụ thể theo từng tháng, năm" đạt mức đánh giá cao nhất (ĐTB = 3,70; ĐLC = 0,83) cho thấy các trường đã chủ động cụ thể hóa kế hoạch GDĐP theo tiến trình thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện và kiểm soát tiến độ. Tiếp theo, tiêu chí "xác định mục tiêu phù hợp với học sinh THPT" (ĐTB = 3,65) và "thành lập ban/tổ chỉ đạo hoạt động GDĐP" (ĐTB = 3,64) cũng đạt mức tốt, phản ánh nhận thức tương đối đầy đủ của đội ngũ CBQL và GV về tầm quan trọng của việc xác định mục tiêu và kiện toàn bộ máy tổ chức trong triển khai hoạt động GDĐP.

Một số tiêu chí còn bộc lộ hạn chế đáng chú ý. Tiêu chí "đảm bảo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học" chỉ đạt ĐTB = 3,61, "phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường" (ĐTB = 3,49), cho thấy công tác dự kiến và phân bổ nguồn lực chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Theo kết quả phỏng vấn, việc bố trí kinh phí chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động trải nghiệm; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn thiếu hụt hoặc chưa được khai thác hiệu quả. Nguyên nhân được quy về ba yếu tố chính: nguồn ngân sách của nhiều nhà trường còn hạn hẹp, cơ chế tự chủ tài chính chưa đủ linh hoạt để đáp ứng các yêu cầu đặc thù của hoạt động GDĐP, và việc huy động nguồn lực xã hội hóa còn gặp nhiều rào cản trong thực tiễn.

Tiêu chí có mức đánh giá thấp nhất là "xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực GV" (ĐTB = 3,02, ĐLC = 0,81) ở mức khá. Mặc dù vẫn đạt mức trên trung bình, nhưng chỉ số này thấp hơn đáng kể so với các nội dung khác. Điều này gợi mở rằng công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ định kỳ cho đội ngũ GV tham gia dạy học GDĐP vẫn còn là điểm hạn chế, cần tiếp tục được quan tâm và đẩy mạnh trong thời gian tới.

Có thể thấy, các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã có sự quan tâm nhất định đến công tác lập kế hoạch, song mức độ hiệu quả và tính đồng bộ trong triển khai chưa cao. Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐP cho học sinh THPT được đánh giá ở mức tích cực nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng tăng cường đảm bảo nguồn lực, đẩy mạnh cơ chế phối hợp đa lực lượng và chú trọng phát triển năng lực đội ngũ GV, nhằm nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động GDĐP trong thực tiễn.

4.1.4. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục địa phương

Bảng 6. Đánh giá về tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Hiệu trưởng triển khai kế hoạch GDĐP cho học sinh đến toàn thể thành viên trong nhà trường	3,74	0,80	1
Lập danh sách các hoạt động GDĐP cần phải hoàn thành để đạt được mục tiêu	3,67	0,84	2
Có tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động GDĐP cho đội ngũ GV trong nhà trường	3,60	0,84	4
Có hướng dẫn chi tiết để GV thực hiện tốt kế hoạch	3,64	0,86	3
Có phối hợp tổ chức nhiều hoạt động lễ hội dân gian, truyền thống đặc trưng tại địa phương để giáo dục học sinh	3,53	0,87	5
Phân chia hoạt động thành nhiệm vụ và phân công cụ thể	3,49	0,85	6
Thiết lập cơ chế điều phối, tạo thành sự liên kết các hoạt động GDĐP giữa các thành viên	3,35	0,88	7

Phân tích kết quả từ Bảng 6, tiêu chí "Hiệu trưởng triển khai kế hoạch GDĐP đến toàn thể thành viên trong nhà trường" đạt mức cao nhất (ĐTB = 3,74; ĐLC = 0,80), cho thấy vai trò người đứng đầu nhà trường đã được phát huy tương đối rõ nét trong công tác tổ chức triển khai. Tiếp theo, tiêu chí "lập danh sách các hoạt động GDĐP cần hoàn thành" (ĐTB = 3,67) và "có hướng dẫn chi tiết để GV thực hiện kế hoạch" (ĐTB = 3,64) cũng đạt mức tốt, phản ánh sự chủ động của nhà trường trong việc cụ thể hóa kế hoạch và hỗ trợ đội ngũ GV trong quá trình triển khai.

Tiêu chí "tổ chức bồi dưỡng, nâng cao năng lực tổ chức hoạt động GDĐP cho GV" đạt ĐTB = 3,60, cho thấy các trường đã bước đầu chú trọng đến phát triển năng lực chuyên môn cho đội ngũ, dù chưa thực sự đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Tiêu chí "phối hợp tổ chức các hoạt động lễ hội dân gian, truyền thống đặc trưng tại địa phương" chỉ đạt ĐTB = 3,53 cho thấy việc khai thác các yếu tố văn hóa địa phương, vốn là thế mạnh đặc thù của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong thực tiễn giáo dục vẫn chưa được phát huy tương xứng với tiềm năng.

Đáng chú ý, các tiêu chí liên quan đến cơ chế phối hợp và điều phối có mức đánh giá thấp nhất trong toàn thang đo. Tiêu chí "phân chia nhiệm vụ giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường" chỉ đạt ĐTB = 3,49 và tiêu chí "thiết lập cơ chế điều phối, liên kết các hoạt động GDĐP" (ĐTB = 3,35, ĐLC = 0,88). Qua kết quả phỏng vấn sâu CBQL, hoạt động GDĐP hiện nay vẫn phụ thuộc nhiều vào sự chủ động của từng GV, thiếu một cơ chế phối hợp thống nhất giữa các tổ chuyên môn và giữa nhà trường với các lực lượng bên ngoài (GV 05, 08). Năng lực thiết kế hoạt động liên môn và huy động cộng đồng của một bộ phận CBQL và GV còn hạn chế, dẫn đến tình trạng các hoạt động GDĐP tuy được triển khai nhưng thiếu sự liên kết chặt chẽ, làm giảm đáng kể hiệu quả giáo dục tổng thể (CBQL 03, 05).

Như vậy, mặc dù công tác xây dựng kế hoạch, phổ biến và hướng dẫn thực hiện hoạt động GDĐP được triển khai rất bài bản, nhưng khâu phân chia nhiệm vụ và thiết lập cơ chế điều phối, liên kết giữa các bộ phận trong và ngoài nhà trường vẫn còn là điểm yếu nhất. Vì vậy, các nhà trường cần tập trung tối ưu hóa cơ chế phối hợp và điều phối công việc, phát huy tốt hơn các nguồn lực văn hóa đặc trưng của địa phương trong tổ chức hoạt động GDĐP.

4.1.5. Thực trạng chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục địa phương

Bảng 7. Đánh giá về chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Chỉ đạo xây dựng nội dung, chương trình	3,29	0,83	1
Chỉ đạo việc phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong tổ chức hoạt động	2,74	0,80	6
Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện hoạt động	3,20	0,86	2
Đổi mới hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động GDĐP phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh	2,69	0,80	7
Bồi dưỡng nâng cao năng lực tổ chức hoạt động GDĐP cho GV và nhân lực hỗ trợ	2,88	0,82	5
Động viên, khích lệ kịp thời cho các đối tượng tham gia hoạt động GDĐP	3,19	0,81	3
Rà soát kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề ra nhiệm vụ	3,02	0,87	4

Phân tích kết quả từ Bảng 7, nội dung "chỉ đạo xây dựng nội dung, chương trình" đạt mức cao nhất (ĐTB = 3,29; ĐLC=0,83), cho thấy các nhà trường đã bước đầu quan tâm đến việc điều chỉnh nội dung GDĐP phù hợp với đặc điểm người học. Tiếp theo, các tiêu chí "trang bị cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho việc thực hiện hoạt động" (ĐTB = 3,20) và "động viên, khích lệ kịp thời các đối tượng tham gia" (ĐTB = 3,19) phản ánh nỗ lực của CBQL trong việc tạo điều kiện và duy trì động lực cho các lực lượng tham gia.

Ở mức khá, tiêu chí "rà soát kế hoạch, phát hiện vấn đề và đề ra nhiệm vụ" đạt ĐTB = 3,02, cho thấy công tác kiểm soát và điều chỉnh kế hoạch đã được thực hiện nhưng chưa thường xuyên và chưa phát huy hiệu quả. Tiêu chí "bồi dưỡng, nâng cao năng lực tổ chức GDĐP cho GV và nhân lực hỗ trợ" chỉ đạt ĐTB = 2,88 phản ánh sự hạn chế trong công tác phát triển đội ngũ ở khâu chỉ đạo, một trong những yếu tố then chốt quyết định chất lượng tổ chức hoạt động GDĐP.

Hai tiêu chí có mức đánh giá thấp nhất là "chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội" (ĐTB = 2,74) và "đổi mới hình thức, phương pháp tổ chức hoạt động GDĐP" (ĐTB = 2,69). Theo kết quả phỏng vấn, về phía phối hợp các lực lượng, có 5/16 ý kiến của CBQL cho rằng việc huy động gia đình và các lực lượng xã hội vào hoạt động GDĐP còn thiếu cơ chế rõ ràng, chủ yếu mang tính tự phát, chưa có quy trình phối hợp cụ thể và ổn định, dẫn đến tình trạng nguồn lực cộng đồng phong phú của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long chưa được khai thác hiệu quả phục vụ hoạt động GDĐP. Về phía đổi mới phương pháp, hoạt động GDĐP ở một số trường vẫn chủ yếu được tổ chức theo hình thức truyền thống, nặng về truyền thụ kiến thức lý thuyết, thiếu tính trải nghiệm và gắn kết thực tiễn (10/16 GV).

Như vậy, công tác chỉ đạo thực hiện hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long vẫn còn mang nặng tính hành chính, thiếu chiều sâu và chưa đồng bộ giữa các nội dung. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy và phương thức chỉ đạo theo hướng linh hoạt, sáng tạo hơn, đồng thời tăng cường đầu tư phát triển đội ngũ và mở rộng cơ chế phối hợp với gia đình và các lực lượng xã hội nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động GDĐP trong thực tiễn.

4.1.6. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương

Bảng 8. Đánh giá về kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung đánh giá	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu	3,23	0,82	1
Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá	3,13	0,83	3
Xác định phương pháp, kiểm tra, đánh giá	2,94	0,80	7
Xác định hình thức kiểm tra, đánh giá	3,15	0,78	2
Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá	2,82	0,81	8
Xây dựng các tiêu chuẩn kiểm tra, đánh giá	2,96	0,80	6
Đo lường kết quả hoạt động GDĐP	2,34	0,81	10
Tổ chức kiểm tra các hoạt động GDĐP	2,80	0,81	9
Tổng kết công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động GDĐP	3,08	0,83	5
Kết quả kiểm tra, đánh giá được sử dụng làm cơ sở để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch tiếp theo	3,10	0,81	4

Kết quả khảo sát cho thấy công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long được đánh giá ở mức khá, với ĐTB chung đạt 2,96, là mức thấp nhất trong toàn bộ các nội dung quản lý được khảo sát (xem Bảng 4).

Phân tích kết quả từ Bảng 8 cho thấy ở nhóm tiêu chí được đánh giá tương đối cao, nội dung "các tiêu chí kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu" đạt mức cao nhất (ĐTB = 3,23, ĐLC=0,82), cho thấy các nhà trường bước đầu chú ý đến sự tương thích giữa mục tiêu GDĐP và tiêu chí đánh giá. Các tiêu chí "xác định hình thức kiểm tra, đánh giá" (ĐTB = 3,15) và "xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá" (ĐTB = 3,13) cũng đạt mức khá, phản ánh sự quan tâm nhất định đến công tác lập kế hoạch và lựa chọn hình thức đánh giá. Đáng ghi nhận, việc "sử dụng kết quả đánh giá để rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch" (ĐTB = 3,10) và "tổng kết công tác kiểm tra, đánh giá" (ĐTB = 3,08), cho thấy các nhà trường đã bước đầu chú trọng đến vòng phản hồi trong quản lý hoạt động GDĐP là tín hiệu tích cực cho thấy kết quả đánh giá đã được sử dụng như một công cụ cải tiến, dù mức độ còn hạn chế.

Tuy nhiên, các tiêu chí thuộc nhóm triển khai thực chất lại có mức đánh giá thấp hơn đáng kể. Cụ thể, "xây dựng tiêu chuẩn đánh giá" (ĐTB = 2,96), "xác định phương pháp đánh giá" (ĐTB = 2,94) và "xác định nội dung đánh giá" (ĐTB = 2,82) đều ở mức khá, cho thấy sự lúng túng trong thiết kế hệ thống đánh giá phù hợp với đặc thù của hoạt động GDĐP. Đặc biệt đáng lo ngại, tiêu chí "tổ chức kiểm tra các hoạt động GDĐP" (ĐTB = 2,80) và nhất là "đo lường kết quả hoạt động GDĐP" (ĐTB = 2,34) ở mức đạt, là tiêu chí có mức đánh giá thấp nhất trong đợt khảo sát, phản ánh hạn chế trong khâu triển khai và lượng hóa kết quả. Sự chênh lệch đáng kể giữa điểm số của nhóm lập kế hoạch ($\geq$ 3,08) và nhóm triển khai thực chất ($\leq$ 2,96) cho thấy một khoảng cách lớn giữa ý định và hành động trong công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP: các nhà trường đã xây dựng được khung kế hoạch nhưng chưa chuyển hóa được thành hành động đánh giá hiệu quả trên thực tế.

Kết quả phỏng vấn sâu cung cấp thêm ba luận cứ thực tiễn lý giải cho thực trạng này. Thứ nhất, hầu hết CBQL cho rằng mặc dù một số GV đã có sự chủ động bước đầu trong vận dụng các hình thức đánh giá đa dạng như thuyết trình, sản phẩm dự án và hoạt động trải

nghiệm, song việc triển khai còn thiếu tính đồng bộ ngay trong từng đơn vị trường, phản ánh sự chênh lệch đáng kể về nhận thức và năng lực chuyên môn trong nội bộ đội ngũ GV. Thứ hai, áp lực về thời gian, quy mô lớp học đông và yêu cầu hoàn thành chương trình đang khiến nhiều GV duy trì xu hướng ưu tiên các hình thức kiểm tra truyền thống như trắc nghiệm và tự luận, vốn ít phù hợp với đặc thù đánh giá năng lực vận dụng thực tiễn của GDĐP (12/16 GV). Thứ ba, việc xây dựng tiêu chí và công cụ đánh giá đối với các sản phẩm học tập mang tính mở vẫn là thách thức đối với phần lớn GV do chưa được bồi dưỡng đầy đủ về kỹ thuật đánh giá theo định hướng phát triển năng lực nội tại (10/16 CBQL).

Như vậy, công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hiện còn mang tính hình thức, thiếu công cụ và phương pháp đánh giá phù hợp với đặc thù của hoạt động, chưa phản ánh đầy đủ năng lực và mức độ đạt được của học sinh. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần đổi mới toàn diện công tác kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực, tăng cường đa dạng hóa phương pháp, hoàn thiện công cụ đo lường và nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả đánh giá trong cải tiến hoạt động GDĐP.

4.2. Thảo luận

Kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cho phép rút ra một số nhận định mang tính lý luận và thực tiễn quan trọng.

Về kết quả đạt được, đa số CBQL và GV đã có nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động GDĐP trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Đây là tín hiệu cho thấy các trường THPT trong khu vực đã có sự chuẩn bị nhất định về mặt thể chế hóa hoạt động GDĐP, đặc biệt là việc cụ thể kế hoạch hoạt động theo tiến trình thời gian và xác định mục tiêu phù hợp với học sinh THPT. Vai trò chỉ đạo, điều hành của hiệu trưởng trong giai đoạn triển khai bước đầu cũng được phát huy, phản ánh xu hướng chuyển dịch từ quản lý hành chính đơn thuần sang quản lý có định hướng mục tiêu phát triển năng lực người học.

Về hạn chế, khi phân tích sâu theo từng khâu của chu trình quản lý (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá), nghiên cứu cho thấy một xu hướng suy giảm hiệu quả có tính hệ thống và đáng lo ngại. Nếu như khâu lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đạt mức tốt, thì sang đến khâu chỉ đạo (ĐTB = 3,00) và đặc biệt là kiểm tra, đánh giá (ĐTB = 2,96), điểm số đã tụt xuống mức khá. Sự suy giảm này gợi mở một vấn đề mang tính bản chất trong công tác quản lý hoạt động GDĐP tại khu vực: năng lực hoạch định chính sách và xây dựng văn bản đang vượt trội so với năng lực hiện thực hóa và giám sát quá trình thực thi. Nói cách khác, khoảng cách giữa ý định quản lý trên giấy tờ và hành động quản lý trong thực tiễn vẫn còn khá lớn, khiến hiệu lực quản lý nhà nước đối với hoạt động GDĐP bị suy yếu đáng kể ở giai đoạn triển khai cụ thể. Điều này tương tự kết quả nghiên cứu của Samsul & Dedek (2018) và Gurung & Parajuli (2021).

Để nhận diện rõ hơn bản chất của những hạn chế nêu trên, kết quả đánh giá cho từng nội dung thành phần của mỗi bước cần được phân tích. Ở bước Lập kế hoạch, hai nội dung yếu nhất là kế hoạch phát triển năng lực đội ngũ GV (ĐTB = 3,02) và huy động các nguồn lực xã hội (ĐTB = 3,49). Đây vốn là hai yếu tố có ý nghĩa quyết định đến chất lượng và tính bền vững của hoạt động GDĐP. Điều này cho thấy trong việc lập kế hoạch hoạt động GDĐP ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay đang gặp khó khăn về phát triển nguồn lực con người và huy động nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động. Chính vì vậy, ở bước tổ chức thực hiện, sự thiếu vắng cơ chế điều phối liên kết hiệu quả giữa các lực lượng tham gia (ĐTB = 3,35) phản ánh tình trạng phân mảnh trong quản lý: nhà trường, tổ chuyên môn, các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường (chính quyền địa phương, bảo tàng, di tích, nghệ nhân…) chưa được kết

nối thành một mạng lưới vận hành thống nhất, dẫn đến hiệu suất tổ chức chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có.

Ở bước chỉ đạo thực hiện, việc đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động GDĐP đạt mức thấp (ĐTB = 2,69) cho thấy công tác chỉ đạo còn nặng tính truyền thống, chưa khuyến khích GV vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, trải nghiệm thực tế phù hợp với đặc thù nội dung GDĐP. Tương tự, sự phối hợp với gia đình và xã hội trong chỉ đạo triển khai cũng ở mức thấp (ĐTB = 2,74), cho thấy hoạt động GDĐP vẫn đang được tổ chức chủ yếu trong phạm vi khép kín của nhà trường, chưa thực sự huy động được sức mạnh tổng hợp của cộng đồng, trong khi đây vốn là đặc trưng cốt lõi và lợi thế riêng có của loại hình giáo dục này.

Ở bước kiểm tra, đánh giá, kết quả ở nội dung đo lường kết quả hoạt động GDĐP chỉ đạt 2,34, đây là mức thấp nhất trong đợt khảo sát. Kết quả này có ý nghĩa cảnh báo quan trọng: khi hoạt động kiểm tra, đánh giá không được lượng hóa một cách khoa học và kết quả đánh giá không được sử dụng như một công cụ phản hồi để điều chỉnh, cải tiến quá trình quản lý, thì toàn bộ chu trình quản lý theo mô hình PDCA (Plan - Do - Check - Act) sẽ bị đứt gãy ở khâu cuối cùng, khiến công tác quản lý hoạt động GDĐP có nguy cơ rơi vào tình trạng vận hành theo quán tính, thiếu cơ sở minh chứng để cải tiến liên tục.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cho thấy một bức tranh tổng thể với những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận, song cũng bộc lộ nhiều hạn chế có tính hệ thống cần được khắc phục một cách căn bản và đồng bộ. Có thể khái quát rằng, thực trạng quản lý hoạt động GDĐP tại các trường THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đang ở giai đoạn "khởi động về nhận thức và thể chế, nhưng chưa hoàn thiện về vận hành và đánh giá". Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý mang tính đột phá theo hướng: tập trung ưu tiên vào việc bồi dưỡng đội ngũ quản lý và GV ở trường THPT về hoạt động GDĐP, đẩy mạnh đổi mới công tác chỉ đạo theo hướng tăng cường phối hợp các lực lượng giáo dục, đồng thời xây dựng bộ công cụ đo lường, đánh giá khoa học, thực chất nhằm khép kín chu trình quản lý và phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên giáo dục đặc thù của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhìn từ góc độ đặc thù, khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất sở hữu hệ thống tài nguyên văn hóa, lịch sử, sinh thái hết sức phong phú và đặc sắc: từ văn hóa sông nước, chợ nổi, đờn ca tài tử, di tích lịch sử cách mạng, đến hệ sinh thái rừng ngập mặn, vườn quốc gia, những kho học liệu sống vô giá cho hoạt động GDĐP. Việc nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về thực trạng quản lý hoạt động GDĐP cho học sinh THPT khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là vấn đề cấp thiết cả về lý luận lẫn thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ cung cấp cơ sở thực tiễn tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp mà còn góp phần vào định hướng phát triển GDĐP theo đúng tinh thần của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và phát triển bền vững nguồn nhân lực cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn đổi mới giáo dục hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông* (Ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).

Chaer, M. T., Rochmah, E. Y., & Sukatin, S. (2021). Education based on local wisdom. *Journal of Islamic Education*, *6*(2), 145-157. https://doi.org/10.35723/jie.v6i2.216

Gurung, G. P., & Parajuli, D. R. (2021). Study of Local Curriculum Implementation Imparting Local Scientific Knowledge in Nepal. *International Journal of Innovation and Education Research*, *1*(1), 9-18. https://doi.org/10.33369/ijier.v1i1.14046

Hồ, V. T., & Nguyễn, V. Đ. (2022). Nghiên cứu xây dựng mô hình thực hiện nội dung giáo dục địa phương đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, *18*(4), 12-17. Truy cập từ http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khgdvn_-_vol18_-_is04_-_no02-12-17.pdf

Hồ, V. T., & Nguyễn, N. H. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *13*(01S), 74-82. https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1302

Huỳnh, V. N., & Phan, N. T. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường tiểu học ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. *Tạp chí Giáo dục*, *24*(S2), 219-224. Truy cập từ https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2857

Ngô, T. N. (2024). Thực trạng và biện pháp quản lý hoạt động dạy học nội dung giáo dục địa phương ở các trường trung học phổ thông huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Giáo dục*, *24*(đặc biệt 7), 273-279. Truy cập từ https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/2357

Nguyễn, L. N. (2023). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở ở huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *12*(03S), 268-279. https://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1167

Nguyễn, N. Q. (1989). *Lý luận dạy học đại cương* (Tập 2). Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Trung ương I.

Nguyễn, N. T. T., & Trần, Đ. N. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *13*(01S), 1-10. https://doi.org/10.52714/dthu.13.01S.2024.1281

Phạm, N. T. (Chủ biên), Nguyễn, V. C., Vũ, T. C. T., Nguyễn, A. T., & Tạ, B. N. (2017). *Giáo trình Khoa học quản lý*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phạm, V. T. (2023). Quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh các trường trung học cơ sở ở quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *12*(03S), 241-249. https://doi.org/10.52714/dthu.12.03S.2023.1164

Samsul, H., & Dedek, A. (2018). Detecting Teacher Difficulties in Implementing the Local Curriculum Developed by the Local Government. *The New Educational Review*, 250-260. DOI: 10.15804/tner.2018.53.3.21

Trần, K. (2004). *Khoa học quản lý giáo dục*: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Giáo dục.

Trần, T. T., & My, G. S. (2025). Dạy học nội dung giáo dục của địa phương ở trường trung học phổ thông: Một số vấn đề lí luận. *Tạp chí Giáo dục*, 25(đặc biệt 7), 250-255. Truy cập từ https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/4049

Trương, T. B. T., & Lê, V. C. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục địa phương cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, *13*(03S), 67-74. https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1405

Yusron, A. (2025). Community engagement in implementing education policies to improve learning quality in remote areas. *Didaktika: Jurnal Kependidikan*, *14*(3), 5011-5018. https://doi.org/10.58230/27454312.2424